

Số: 1078/2023/QĐST- HNGĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 38, 39 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 1054/2023/TLST-HNGĐ

ngày 10 tháng 11 năm 2023 về yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lương T, sinh năm 1958.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: số A T, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1967.

Nơi ĐKKHKT: Số H T, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số A T, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Lương T và bà Nguyễn Kim A có đăng ký kết hôn ngày 4/5/1989 tại UBND phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội và hiện vẫn đang trong tình trạng hôn nhân.

- Trong quá trình chung sống, trong thời kỳ hôn nhân, ông T, bà Kim A có tạo lập được các tài sản chung trong đó có đóng góp, đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án A của công ty CP Đ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/2010/HĐHTKD ngày 01/3/2010. Trước khi bắt đầu tiến hành các hoạt động đầu tư tại Dự án An Thịnh 3 và những người khác, ngày 01/3/2010, vợ chồng ông T, bà Kim A tiến hành “Hợp gia đình lập biên bản thống nhất” với nội dung:

+ “Đồng ý cho ông Nguyễn Lương T sử dụng toàn bộ nguồn lực gia đình để trực tiếp đầu tư thực hiện vào Dự án An Thịnh 3 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/2010/HĐHTKD ngày 01/3/2010.

+ Đồng thời ông T phải bảo vệ quyền lợi của vợ là bà Nguyễn Kim A với cam đoan là toàn bộ giá trị vốn góp đầu tư thuộc về tài sản chung của vợ chồng;

+ Toàn bộ giá trị tài sản đầu tư góp vốn cùng các lợi ích phát sinh được hưởng từ giá trị vốn góp đầu tư là tài sản chung của hai vợ chồng nên trong mọi trường hợp, điều kiện hoàn cảnh bà Nguyễn Kim A sẽ luôn được hưởng 50% giá trị tài sản bao gồm tất cả giá trị vốn góp đầu tư và các khoản sinh lời.”

Ông Nguyễn Lương T được nhận tài sản là Quyền tài sản, cụ thể là quyền đòi nợ, quyền được thi hành án theo Bản án dân sự phúc thẩm số 225/2021/DS-PT ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và theo Quyết định thi hành án số 04/QĐ-CTHADS ngày 06/7/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội đối với khoản tiền mà ông T được thi hành như sau:

“Buộc ông Nguyễn D và bà Nguyễn Thùy D1 (cư trú: P2603 nhà 34T, T, Cầu G, Hà Nội) phải trả cho ông Nguyễn Lương T các khoản sau:

+ Nợ gốc là: 33.150.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Nợ lãi tạm tính từ ngày 21/4/2010 đến 12/01/2021 là 60.043.549.801 đồng (Sáu mươi tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm linh một đồng). Tổng cộng là 93.193.549.801 đồng (Chín mươi ba tỷ, một trăm chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm linh một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 24,96%/năm”.

Tài sản là quyền đòi nợ số tiền đã được thi hành án theo các Bản án, Quyết định Thi hành án nêu trên là tài sản chung của ông T, bà Kim A hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Cho đến nay bản án, quyết định thi hành án nêu trên vẫn chưa được thi hành trên thực tế, ông Nguyễn D và bà Nguyễn Thùy D1 chưa thanh toán tiền cho ông Nguyễn Lương T.

Nay ông Nguyễn Lương T và bà Nguyễn Kim A cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà phân chia tài sản chung của vợ chồng, cụ thể: Bất kể khi nào đòi được, được nhận một phần hay toàn bộ khoản tiền được thi hành án theo Bản án dân sự phúc thẩm số 225/2021/DS-PT ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và theo Quyết định Thi hành án số 04/QĐ-CTHADS ngày 06/7/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội

như nêu trên (bao gồm cả tiền gốc, tiền lãi), thì sẽ phân chia cho ông Nguyễn Lương T được nhận, hưởng 50% và bà Nguyễn Kim A được nhận, hưởng 50%.

Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Lương T được miễn án phí. Bà Nguyễn Kim A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm giải quyết vụ án với số tiền là: 50.298.388 đồng (Năm mươi triệu hai trăm chín mươi tám nghìn ba trăm tám mươi tám đồng) (chưa nộp).

Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. **Quyết** định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải **thi** hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

Thẩm phán

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Hường

